

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ RỦI RO NHẪM NÂNG CAO TÍNH TUÂN THỦ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN THỦ TỤC HẢI QUAN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

Lê Thị Thanh Thủy¹, Lê Hữu Vinh²

Bài viết phân tích thực trạng quản lý rủi ro (QLRR) tại Chi cục Hải quan Khu vực X trên tỉnh Thanh Hóa. Thông qua việc đánh giá 5 nội dung của quản lý rủi ro như (i) Thu thập, xử lý và phân tích thông tin; (ii) Phân loại và đánh giá rủi ro theo mức độ; (iii) Kiểm tra, giám sát; (iv) Đánh giá tuân thủ doanh nghiệp và (v) Kiểm tra sau thông quan, xử lý vi phạm với số liệu, dữ liệu phân tích trong giai đoạn 2022 - 2024. Kết quả cho thấy công tác QLRR đã đạt được những hiệu quả nhất định nhằm nâng cao tính tuân thủ của doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế ở sự thiếu đồng bộ của dữ liệu, hiệu quả khai thác thông tin, năng lực phân tích của cán bộ và tính tuân thủ của một số doanh nghiệp chưa bảo đảm. Do đó, cần tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện cơ sở dữ liệu, nâng cao chất lượng nhân lực và thúc đẩy quan hệ đối tác hải quan - doanh nghiệp nhằm tăng cường hiệu quả QLRR trong giai đoạn tới.

Từ khóa: Quản lý rủi ro, doanh nghiệp, thủ tục hải quan, tỉnh Thanh Hóa.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.83.1.2026.1009>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động xuất nhập khẩu (XNK) giữ vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của mỗi khu vực và quốc gia. Tuy nhiên, cùng với sự gia tăng về quy mô, chủng loại hàng hóa và sự đa dạng của các phương thức giao dịch, công tác quản lý hải quan đang phải đối mặt với nhiều rủi ro phức tạp. Trong đó, quản lý rủi ro (QLRR) đã trở thành công cụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu lực giám sát, hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ pháp luật và thúc đẩy cải cách, hiện đại hóa hải quan [3]. Chi cục Hải quan Khu vực X - đơn vị được cơ cấu lại từ Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa - hiện quản lý hoạt động trên địa bàn hai tỉnh Thanh Hóa và Sơn La, giữ vai trò trung tâm trong giám sát, kiểm tra, thực hiện thủ tục hải quan, đồng thời phòng chống buôn lậu và xử lý các vi phạm về chính sách thuế. Mặc dù vậy, thực tiễn triển khai QLRR tại Chi cục vẫn còn những hạn chế nhất định, trong khi thương mại điện tử và các giao dịch số làm gia tăng các dạng rủi ro mới. Thực trạng này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản lý và mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Do đó, bài viết nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường QLRR nhằm nâng cao tính tuân thủ của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

¹ Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức; Email: lthanhthuy@hdu.edu.vn.

² Học viên cao học Khoá K16B ngành Quản lý kinh tế, Trường Đại học Hồng Đức

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Quản lý rủi ro và tính tuân thủ của doanh nghiệp

Rủi ro trong hoạt động hải quan là khả năng xảy ra những sự kiện hoặc hành vi không tuân thủ pháp luật trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện chính sách pháp luật, gây thất thu ngân sách nhà nước (NSNN), ảnh hưởng đến an ninh, an toàn quốc gia và trật tự quản lý nhà nước [2]. QLRR hải quan là một phương pháp quản lý nhằm tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực, thông qua đánh giá xác suất và mức độ ảnh hưởng của các hành vi vi phạm pháp luật hoặc không tuân thủ quy định của hoạt động xuất nhập khẩu [5][6]. Chi cục Hải quan giữ vai trò tuyến đầu trong việc áp dụng QLRR vào hoạt động nghiệp vụ nhằm nâng cao tính tuân thủ của doanh nghiệp. Tính tuân thủ thể hiện qua các hành vi như: kê khai trung thực và đầy đủ thông tin liên quan đến hàng hóa, thực hiện nghĩa vụ thuế đúng thời hạn, sử dụng chứng từ hợp pháp, không gian lận thương mại, không trốn tránh nghĩa vụ tài chính, chấp hành các quyết định kiểm tra, thanh tra, và tích cực khắc phục các sai phạm [4].

QLRR trong thực hiện thủ tục hải quan của doanh nghiệp bao gồm một chuỗi nội dung cơ bản: (i) Thu thập, xử lý và phân tích thông tin; (ii) Phân loại và đánh giá rủi ro theo mức độ; (iii) Kiểm tra, giám sát; (iv) Đánh giá tuân thủ doanh nghiệp và (v) Kiểm tra sau thông quan, xử lý vi phạm [1][6].

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở phân tích, tổng hợp dữ liệu thứ cấp nhằm đánh giá công tác quản lý rủi ro trong thực hiện thủ tục hải quan. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ hệ thống văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan như Luật Hải quan năm 2014, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 81/2019/TT-BTC, Thông tư số 06/2024/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng các báo cáo thống kê, tài liệu chuyên môn và hướng dẫn nghiệp vụ của Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2022 - 2024, cùng với một số công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về quản lý rủi ro và tuân thủ hải quan nhằm đảm bảo tính khách quan. Dữ liệu từ các hệ thống nghiệp vụ hải quan điện tử như VNACCS/VCIS, Riskman và Ecustoms5 cũng được khai thác để phục vụ cho việc phân tích, đánh giá tình hình thực tế. Các số liệu, dữ liệu được phân tích, tổng hợp để đánh giá thực trạng quản lý rủi ro tại Chi cục Hải quan Khu vực X theo năm nội dung của quản lý rủi ro, từ đó rút ra các vấn đề tồn tại, nguyên nhân và đề xuất các nhóm giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro trong thời gian tới.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát hoạt động của Chi cục Hải quan Khu vực X trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Chi cục Hải quan Khu vực X, tiền thân là Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, được thành lập nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hải quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Sơn La,

với trụ sở tại tỉnh Thanh Hóa. Đơn vị có chức năng thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát hàng hóa XNK, phương tiện xuất nhập cảnh; thu thuế XNK; tham mưu công tác quản lý rủi ro, chống buôn lậu và hỗ trợ doanh nghiệp.

Bảng 1. Hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

TT	Tiêu chí	Năm			So sánh (%)	
		2022	2023	2024	2023/2022	2024/2023
1	Kim ngạch XNK (tỷ USD)	14,8	13,01	16,2	87,9%	123,0%
2	Thu nộp NSNN (nghìn tỷ đồng)	19,8	16,7	20,9	84,3%	125,1%

Nguồn: Báo cáo tổng kết Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá (nay là Chi cục Hải quan Khu vực X)

Trong giai đoạn 2022 - 2024, Chi cục đạt nhiều kết quả quan trọng. Kim ngạch XNK qua địa bàn lần lượt đạt 14,8 tỷ USD (2022), 13,01 tỷ USD (2023) và 16,2 tỷ USD (2024), tập trung tại Khu kinh tế Nghi Sơn với các mặt hàng chính như xăng dầu, hóa chất, thiết bị công nghiệp, may mặc và nông sản. Số thu NSNN đạt 19.800 tỷ đồng năm 2022, 16.700 tỷ đồng năm 2023 và 20.900 tỷ đồng năm 2024, đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động quản lý của Chi cục Hải quan Khu vực X trên địa bàn Thanh Hóa không chỉ đáp ứng yêu cầu kiểm soát nhà nước đối với hàng hóa XNK, mà còn góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy thương mại, cải thiện môi trường đầu tư và hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương.

3.2. Thực trạng quản lý rủi ro đối với doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

3.2.1. Thu thập, xử lý thông tin và đánh giá, xác định rủi ro

Giai đoạn 2022 - 2024, Chi cục Hải quan Khu vực X đã triển khai đồng bộ công tác QLRR thông qua thu thập, xử lý thông tin và xác định rủi ro đối với hàng hóa, doanh nghiệp XNK. Trên cơ sở kế hoạch của Tổng cục Hải quan, đơn vị đã ban hành và triển khai các văn bản trọng tâm như: Kế hoạch 71/KH-HQTH (2023), Kế hoạch 180/KH-HQTH (2024) và các công văn chuyên đề kiểm soát rủi ro, đồng thời áp dụng Bộ tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật cùng các quy định sửa đổi (QĐ 2943, 2944). Các văn bản này được phổ biến đến toàn bộ đơn vị trực thuộc, gắn với công tác giám sát, đôn đốc để bảo đảm tiến độ. Hoạt động thu thập thông tin được tăng cường từ nhiều nguồn: hồ sơ khai báo, kết quả kiểm tra, cơ sở dữ liệu ngành (VNACCS/VCIS), cùng thông tin từ cơ quan thuế, công an, quản lý thị trường, ngân hàng và hiệp hội ngành hàng. Dữ liệu được phân tích để xây dựng hồ sơ rủi ro, xếp hạng mức độ tuân thủ doanh nghiệp và hỗ trợ phân loại tờ khai. Đồng thời, công tác phối hợp liên ngành và trao đổi thông tin nội bộ được đẩy mạnh, góp phần đồng bộ hóa quản lý, kịp thời nhận diện hành vi gian lận và vi phạm pháp luật hải quan.

Bảng 2. Tình hình công tác thu thập xử lý thông tin và quản lý rủi ro

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2023/2022	So sánh 2024/2023
Tổng số tờ khai phân luồng	105.773	111.755	144.300	105,7%	129,1%
Trị giá (triệu USD)	13,3	10,9	13,8	82,0%	126,6%
Tổ hợp tiêu chí phân tích rủi ro trên hệ thống VCIS	28	35	43	125,0%	122,9%
Hồ sơ doanh nghiệp phê duyệt trên hệ thống Risk Management	203	30	125	14,8%	416,7%
Số lượng hồ sơ doanh nghiệp cập nhật CRMS	221	169	122	76,5%	72,2%
Hồ sơ vi phạm cập nhật trên hệ thống QLVP hải quan	113	68	91	60,2%	133,8%

Nguồn: Báo cáo tổng kết Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá (nay là Chi cục Hải quan Khu vực X)

Số liệu cho thấy khối lượng tờ khai phân luồng tăng mạnh, từ 105.773 tờ khai (2022) lên 144.300 (2024), phản ánh sự mở rộng thương mại và năng lực xử lý thủ tục của đơn vị. Trị giá hàng hóa XNK đạt 13,8 tỷ USD năm 2024, tăng 26,6% so với 2023. Hệ thống VCIS được củng cố với số tiêu chí phân tích rủi ro tăng từ 28 (2022) lên 43 (2024). Hồ sơ vi phạm cập nhật dao động 68 - 113 vụ/năm, phản ánh mức độ ổn định trong kiểm soát, song cũng đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực cảnh báo sớm. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác QLRR vẫn còn hạn chế về tính đồng bộ dữ liệu liên ngành, năng lực chuyên môn hóa của đội ngũ cán bộ phân tích và ứng dụng công nghệ trong xử lý thông tin. Các tiêu chí đánh giá rủi ro chủ yếu vẫn dựa trên yếu tố định lượng, chưa khai thác sâu dữ liệu định tính như uy tín thương mại hoặc xếp hạng tín dụng doanh nghiệp. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác trong phân loại tuân thủ và áp dụng biện pháp giám sát.

3.2.2. Phân loại và đánh giá rủi ro

Các đối tượng rủi ro (doanh nghiệp, hàng hóa, tuyến đường, phương tiện) được phân loại theo ba cấp độ: rủi ro cao (luồng đỏ), rủi ro trung bình (luồng vàng) và rủi ro thấp (luồng xanh). Đồng thời, rủi ro còn được nhận diện theo các lĩnh vực như trị giá khai báo, mã hồ sơ và xuất xứ, chính sách ưu đãi thuế, hay các mặt hàng nhạy cảm.

Bảng 3. Tình hình công tác phân luồng và đánh giá rủi ro

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2023/2022	So sánh 2024/2023
Tổng số tờ khai phân luồng	105.773	111.755	144.300	5.982	32.545
Luồng xanh (số lượng / tỷ lệ)	83.647 (79%)	93.448 (83,6%)	119.420 (82,7%)	9.801	25.972

Luồng vàng (số lượng / tỷ lệ)	19.327 (18,3%)	15.638 (14%)	21.767 (15,1%)	-3689	6.129
Luồng đỏ (số lượng / tỷ lệ)	2.799 (2,7%)	2.669 (2,4%)	3.113 (2,2%)	-130	444

Nguồn: Báo cáo tổng kết Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá (nay là Chi cục Hải quan Khu vực X)

Thống kê cho thấy tổng số tờ khai phân luồng tăng mạnh, từ 105.773 (2022) lên 111.755 (2023) và 144.300 (2024). Luồng xanh chiếm chủ đạo, phản ánh mức độ tuân thủ của doanh nghiệp ngày càng cải thiện. Ngược lại, luồng vàng dao động từ 14 - 18%, còn luồng đỏ giảm từ 2,7% (2022) xuống 2,2% (2024), dù tổng tờ khai tăng cho thấy nhận diện rủi ro ngày càng chính xác, tập trung đúng đối tượng, giảm tác động đến doanh nghiệp tuân thủ tốt. Kết quả đạt được nhờ ứng dụng hệ thống VNACCS/VCIS kết hợp đánh giá thủ công, cùng sự phối hợp giữa hải quan, kiểm tra sau thông quan, công an, quản lý thị trường... giúp chia sẻ thông tin rủi ro kịp thời, hỗ trợ áp dụng biện pháp kiểm soát phù hợp. Tuy vậy, công tác phân loại vẫn còn hạn chế như tiêu chí còn chung chung, dữ liệu chưa đầy đủ, thiếu liên thông, một số khâu phụ thuộc nhiều vào yếu tố con người. Do đó, cần hiện đại hóa công nghệ, hoàn thiện tiêu chí và tăng cường liên kết dữ liệu để nâng cao hiệu quả QLRR.

3.2.3. Kiểm tra, giám sát

Giai đoạn 2022 - 2024, Chi cục Hải quan Khu vực X đã thực hiện công tác giám sát, quản lý hải quan nghiêm túc, bám sát chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và định hướng cải cách của ngành hải quan. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ diễn ra thường xuyên, xử lý kịp thời vướng mắc, bảo đảm thống nhất pháp luật. Hàng năm, Chi cục ban hành trên 500 văn bản và phối hợp các ngành trong triển khai Nghị quyết số 58-NQ/TW (2020), Nghị quyết số 37/2021/QH15 và 105/NQ-CP (2021). Năm 2022, có 463 doanh nghiệp làm thủ tục hải quan (156 doanh nghiệp thường xuyên), năm 2023 giảm còn hơn 300 doanh nghiệp do suy giảm kinh tế toàn cầu, chi phí sản xuất - vận tải tăng. Đến năm 2024, số doanh nghiệp phục hồi trên 500, gồm các loại hình như công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Cũng trong năm 2024, Chi cục đã ban hành 107 quyết định về địa điểm kiểm tra hàng hóa. Quản lý phương tiện XNC cũng gia tăng, với 2.085 tàu biển, 13.093 ô tô và gần 100.000 lượt hành khách. Số liệu cho thấy hoạt động XNK biến động theo bối cảnh kinh tế, đồng thời khẳng định vai trò của Chi cục trong hỗ trợ doanh nghiệp, duy trì thương mại thông suốt. Tuy vậy, vẫn tồn tại một số hạn chế như: nguồn lực mỏng, thiết bị giám sát chưa đồng bộ, sự phối hợp liên ngành còn hạn chế.

3.2.4. Đánh giá tuân thủ của doanh nghiệp

Đánh giá tuân thủ là nội dung trọng tâm của QLRR hải quan, giúp phân loại doanh nghiệp theo mức độ chấp hành pháp luật để áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát phù hợp. Tại Chi cục Hải quan Khu vực X, công tác này triển khai định kỳ và đột xuất, dựa trên Luật Hải quan 2014, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan và Quyết định số 1972/QĐ-

TCHQ ngày 20/8/2024. Các tiêu chí chính gồm: lịch sử vi phạm, độ chính xác hồ sơ khai báo, chấp hành nghĩa vụ thuế, mức độ hợp tác trong thanh - kiểm tra và tình hình SXKD. Doanh nghiệp được phân thành bốn nhóm: tuân thủ cao, trung bình, thấp và rủi ro đặc biệt. Giai đoạn 2022 - 2024 cho thấy chuyển biến tích cực. Năm 2022, có 295 trong 463 doanh nghiệp đạt tuân thủ cao, chiếm 63,7%. Năm 2023, do khó khăn kinh tế, số doanh nghiệp giảm còn 317 và tỷ lệ tuân thủ cao giảm xuống 55,2%. Đến năm 2024, số doanh nghiệp tăng mạnh lên 520, trong đó 374 doanh nghiệp (72%) đạt tuân thủ cao, tỷ lệ tuân thủ thấp chỉ còn 4% (21 doanh nghiệp). Kết quả này phản ánh hiệu quả cải cách thủ tục, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và sự đồng hành cùng doanh nghiệp của Chi cục.

Bảng 4. Đánh giá phân loại mức độ tuân thủ của doanh nghiệp

Năm	Số doanh nghiệp làm thủ tục	Tuân thủ cao	Tuân thủ trung bình	Tuân thủ thấp
2022	463	295 (63,7%)	130 (28,1%)	38 (8,2%)
2023	317	175 (55,2%)	105 (33,1%)	37 (11,7%)
2024	520	374 (72%)	125 (24%)	21 (4%)

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo tổng kết của Chi cục

Bên cạnh đánh giá tuân thủ, công tác quản lý thuế và chống thất thu NSNN cũng được tăng cường. Trong ba năm, Chi cục đã thường xuyên rà soát chính sách thuế, kiểm tra mã số hàng hóa, thuế suất, thực hiện khoảng 250 - 300 hồ sơ tham vấn giá mỗi năm đối với hơn 40 doanh nghiệp. Kết quả thu NSNN liên tục tăng, trong đó khoản thu từ dầu thô của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn đóng vai trò chủ lực, đạt hơn 15.200 tỷ đồng, chiếm 82,5% tổng thu. Ngoài ra, thuế xuất khẩu và thuế bảo vệ môi trường cũng có xu hướng tăng, góp phần đa dạng hóa nguồn thu.

Bảng 5. Kết quả nợ đọng thuế của doanh nghiệp từ 2022 - 2024

Kết quả nợ đọng thuế	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số nợ đọng (tỷ đồng)	2.324	1.922	1.865
Số nợ quá hạn (tỷ đồng)	0,061	0,954	0,061
Số nợ tạm thu (tỷ đồng)	0,086	0,086	0,629

Nguồn: Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá (nay là Chi cục Hải quan Khu vực X)

Công tác quản lý nợ thuế cũng có bước chuyển biến tích cực. Bảng 5 thể hiện kết quả nợ đọng thuế của doanh nghiệp trong giai đoạn 2022 - 2024, có thể thấy giai đoạn này nợ đọng có xu hướng giảm, điều đó cũng thể hiện sự hiệu quả trong công tác cưỡng chế thuế và hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ chính sách tài chính. Dù còn phụ thuộc lớn vào một số nhóm hàng trọng điểm như dầu thô, nhưng những chuyển biến về tỷ lệ tuân thủ, hiệu quả quản lý nợ và sự phục hồi nguồn thu năm 2024 phản ánh rõ nỗ lực của cơ quan hải quan trong cải cách, hiện đại hóa và đồng hành cùng doanh nghiệp.

3.2.5. Kiểm tra sau thông quan và xử lý vi phạm

Trong giai đoạn 2022 - 2024, Chi cục Hải quan Khu vực X chú trọng triển khai kiểm tra sau thông quan (KTSTQ) và xử lý vi phạm theo đúng quy trình nghiệp vụ. Thông tin được thu thập thường xuyên qua hệ thống CNTT, giúp phát hiện kịp thời dấu hiệu rủi ro. Các kế hoạch kiểm tra được ban hành bám sát chỉ đạo cấp trên, tập trung vào lĩnh vực nhạy cảm như trị giá hải quan và mã số hàng hóa. Vi phạm chủ yếu là khai sai mã số, trị giá, xuất xứ hàng hóa, phản ánh sự tiến bộ trong năng lực phân tích và khoanh vùng rủi ro (Bảng 6).

Bảng 6. Thống kê công tác quản lý kiểm tra sau thông quan & xử lý vi phạm

Tiêu chí	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số quyết định KTSTQ đã ban hành	19	13	11
Số cuộc KTSTQ đã hoàn thành	16	15	13
Kiểm tra theo kế hoạch TCHQ giao	1	2	2
Kiểm tra theo chuyên đề TCHQ giao	1	2	2
Kiểm tra theo dấu hiệu rủi ro	6	7	8
Tổng số tiền thu NSNN (đồng)	1.038.451.158	1.817.000.000	1.537.129.878
- Trong đó: Ấn định thuế	780.386.741	933.300.000	1.015.072.632
- Phạt vi phạm hành chính	258.064.417	439.800.000	387.064.526
KTSTQ tại các Chi cục HQCK	06/08 cuộc	05/08 cuộc	06/08 cuộc

Nguồn: Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá (nay là Chi cục Hải quan Khu vực X)

Nhìn chung, công tác KTSTQ đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ nguồn thu NSNN. Tuy vậy, tỷ lệ doanh nghiệp được kiểm tra vẫn còn thấp, công tác phân tích dữ liệu chưa tận dụng triệt để công nghệ, quy trình xử lý vi phạm còn kéo dài. Do đó, thời gian tới Chi cục cần đẩy mạnh ứng dụng CNTT, nâng cao năng lực cán bộ và tăng cường phối hợp liên ngành để nâng cao hiệu quả KTSTQ, đảm bảo sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động XNK.

3.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý hải quan tại Chi cục Hải quan Khu vực X giai đoạn 2022 - 2024 đạt nhiều tiến bộ, thể hiện qua việc hoàn thành chỉ tiêu về giám sát, kiểm tra và kiểm tra sau thông quan (KTSTQ). Số lượng doanh nghiệp làm thủ tục có biến động theo bối cảnh kinh tế toàn cầu, nhưng năm 2024 phục hồi tích cực với hơn 500 doanh nghiệp, khẳng định sức hút môi trường đầu tư Thanh Hóa. Chi cục đã thực hiện tương đối đầy đủ quy trình thu thập, phân tích và xử lý thông tin rủi ro theo đúng hướng dẫn của Tổng cục Hải quan. Việc chủ động khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống nghiệp vụ hải quan, hồ sơ doanh nghiệp và các cơ quan quản lý liên quan đã giúp nâng cao khả năng nhận diện sớm rủi ro, phát hiện dấu hiệu vi phạm và ngăn ngừa gian lận thương mại. Công tác phân loại và đánh giá rủi ro doanh nghiệp được thực hiện có hệ thống, dựa trên tiêu chí về mức độ tuân thủ pháp luật, lịch sử vi phạm, ngành hàng và khu vực địa lý, từ đó hỗ trợ phân luồng kiểm tra hiệu quả. Doanh nghiệp tuân thủ tốt được tạo điều kiện thông quan nhanh, trong khi doanh nghiệp rủi ro cao được giám sát chặt chẽ hơn. Cùng với đó, hoạt động kiểm tra sau thông quan đã phát huy vai trò như một công cụ kiểm soát hữu hiệu, giúp phát hiện sai phạm, đảm bảo thu ngân sách và tăng tính răn đe pháp lý.

Tuy nhiên, trong công tác QLRR vẫn còn một số hạn chế tồn tại. Trước hết, mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp chưa đồng đều, trong khi khung pháp lý đôi khi chồng chéo, thiếu nhất quán, gây khó khăn trong triển khai. Việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, đặc biệt là khả năng tích hợp, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống như VNACCS/VCIS và Riskman còn hạn chế, ảnh hưởng đến tốc độ xử lý nghiệp vụ. Công tác phân tích rủi ro vẫn phụ thuộc nhiều vào báo cáo truyền thống, thiếu sự khai thác dữ liệu lớn (big data) và thông tin từ bên ngoài như cơ quan thuế, ngân hàng hay logistics. Ngoài ra, năng lực chuyên môn và đạo đức công vụ của một bộ phận công chức chưa đáp ứng yêu cầu của quản lý hiện đại; công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa thường xuyên; phối hợp liên ngành và cơ chế hợp tác công - tư còn mang tính hình thức. Những hạn chế này chủ yếu xuất phát từ sự thiếu đồng bộ trong cơ sở hạ tầng công nghệ, nguồn nhân lực mỏng, cũng như sự biến động nhanh của hệ thống pháp luật và áp lực công việc cao. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình quản lý rủi ro tại Chi cục Hải quan Khu vực X đã phát huy vai trò tích cực trong việc cân bằng giữa tạo thuận lợi thương mại và kiểm soát tuân thủ, song để đạt hiệu quả hơn, cần tiếp tục đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cán bộ và đẩy mạnh liên kết thông tin giữa các bên liên quan.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về công tác quản lý tuân thủ, thu NSNN và kiểm tra sau thông quan tại Chi cục Hải quan Khu vực X giai đoạn 2022 - 2024 cho thấy đơn vị đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan. Số liệu phân tích cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp tuân thủ cao ngày càng gia tăng, trong khi tỷ lệ vi phạm giảm đáng kể, phản ánh tính hiệu quả của việc áp dụng quản lý rủi ro, minh bạch hóa thủ tục và ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát. Công tác thu NSNN đạt sự phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn khó khăn, đặc biệt nhờ nguồn thu ổn định từ hoạt động nhập khẩu dầu thô và sự gia tăng của các loại thuế khác, cho thấy vai trò then chốt của lực lượng hải quan trong đóng góp cho ngân sách địa phương và trung ương. Hoạt động kiểm tra sau thông quan và xử lý vi phạm đã được triển khai nghiêm túc, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận thương mại, đồng thời bảo đảm tính công bằng, minh bạch trong hoạt động xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra những tồn tại như tỷ lệ doanh nghiệp được kiểm tra còn thấp so với quy mô hoạt động XNK, năng lực ứng dụng công nghệ còn hạn chế, và chế tài xử phạt chưa đủ mạnh để răn đe. Từ các kết quả đạt được và những vấn đề còn tồn tại, có thể khẳng định rằng Chi cục Hải quan Khu vực X đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện cải cách, hiện đại hóa hải quan, đồng thời cần tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, hoàn thiện cơ chế phối hợp và nâng cao năng lực đội ngũ để đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý trong bối cảnh thương mại quốc tế ngày càng biến động. Đây cũng là những hàm ý quan trọng cho công tác hoạch định chính sách, hướng tới xây dựng một môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của cộng đồng doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thị Hạnh (2020), *Quản trị rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Thị Thanh Hòa (2021), Phân tích và kiểm soát rủi ro hải quan trong xuất nhập khẩu hàng hóa, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (24):247-252.
- [3] Nguyễn Văn Nam (2021), *Quản trị rủi ro trong chuỗi cung ứng và logistics quốc tế*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Thị Mai Trang (2019), *Quản trị rủi ro doanh nghiệp*, Nxb. Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [5] Quốc hội (2014), *Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ban hành ngày 23/6/2014*.
- [6] Tổng cục Hải quan (2020), *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan*, Nxb. Tài chính, Hà Nội.

**STRENGTHENING RISK MANAGEMENT TO ENHANCE
ENTERPRISE COMPLIANCE IN CUSTOMS PROCEDURES IN
THANH HOA PROVINCE**

Le Thi Thanh Thuy, Le Huu Vinh

ABSTRACT

This paper analyzes the current situation of risk management at the Regional Customs Sub-Department X in Thanh Hoa province. Through an assessment of five components of risk management, namely: (i) information collection, processing, and analysis; (ii) risk classification and assessment by level; (iii) inspection and supervision; (iv) evaluation of enterprise compliance; and (v) post-clearance audit and violation handling. Using data covering the 2022-2024 period, the results show that risk management has achieved certain positive outcomes. However, limitations remain, including the lack of data synchronization, low efficiency in information utilization, disparities in officers' analytical capacity, and insufficient compliance by some enterprises. Therefore, further application of information technology, improvement of databases, enhancement of human resource quality, and promotion of customs-business partnerships are essential solutions to strengthen the effectiveness of risk management in the coming period.

Keywords: Risk management, enterprises, customs procedures, Thanh Hoa Province.

* Ngày nộp bài: 17/9/2025; Ngày gửi phản biện: 23/10/2025; Ngày duyệt đăng: 30/1/2026